TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2020
V/v Thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2019 về thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn H**, sinh ngày 11/9/1979.

ĐKHK và trú tại: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 07/8/1984.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1966. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Bùi Văn H trình bày:

Anh chị là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2018. Thời điểm ly hôn, anh chị đã thỏa thuận giao con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 05/10/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Thỏa thuận này đã được TAND huyện B, tỉnh Hải Dương công nhận tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 157/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018. Năm 2019 anh H được biết chị T đi lao động tại Nhật Bản và để lại con cho bố mẹ đẻ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H đã sang nhà bố mẹ chị T và đón cháu H về chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay. Hiện chị T đang lao động ở Nhật Bản không có điều kiện chăm sóc con chung. Để đảm bảo cho cháu H có điều kiện phát triển tốt nhất nên anh H có nguyện vọng được thay đổi quyền nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tại các biên bản lấy lời khai, mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T là bà Vũ Thị M trình bày: Bà M là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H là chồng cũ của chị T. Anh H và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên do mâu thuẫn nên anh H và chịu T đã ly hôn từ năm 2018 tại tòa án nhân dân huyện B, chị T được quyền nuôi con chung. Năm 2019 chị T đi lao động tại Nhật Bản và để lại con cho ông bà nuôi dưỡng. Anh H đã xin đón cháu về nuôi dưỡng, ông bà đồng ý và cháu H ở với bố từ khi chị T đi Nhật Bản đến nay đã hơn năm. Do chị T không nói địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị T tại Nhật Bản cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị T nên bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị T biết việc anh H đang yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho chị T biết. Qua trao đổi thì bà được chị T cho biết chị T có quan điểm sau khi vợ chồng ly hôn tuy chị được quyền nuôi con nhưng chị hiện đang ở Nhật Bản không có điều kiện chăm sóc con nên anh H có nguyện vọng thay đổi quyền nuôi con sang cho anh H và anh H tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con thì chị T đồng ý. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên chị T không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị T và tống đạt các văn bản thông qua mẹ đẻ chị là bà M. Bà M đồng ý nhận thay để thông báo cho chị T. Ngoài ra chị T không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đưa vụ án ra giải quyết trong khi bị đơn không nhận được các văn bản tố tụng, hồ sơ không có ý kiến trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 72 BLTTHS. Thời hạn xét xử cũng chưa đảm bảo theo quy định.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa tiếp tục thu thập địa chỉ để tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và thu thập lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Vũ Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con sau ly hôn với chị Nguyễn Thị T là người Việt Nam hiện đang lao động tại Nhật Bản, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị T ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của chị T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu mẹ đẻ của chị T là bà Vũ Thị M cung cấp địa chỉ của chị T đến lần thứ hai nhưng bà M cũng không biết địa chỉ của chị T tại Nhật Bản. Tuy nhiên bà M vẫn liên lạc được với chị T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị T. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh H vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H và chị T là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Anh H và chị T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 157/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2018 của TAND huyện B, tỉnh Hải Dương. Anh chị có 01 con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 05/10/2016. Khi ly hôn anh H và chị T thỏa thuận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi

trưởng thành. Thỏa thuận này của anh chị đã được Tòa án công nhận nên chị T là người có quyền trực tiếp nuôi con chung.

Tuy nhiên sau khi ly hôn chị T đi lao động ở Nhật Bản và cháu H ở cùng với bố mẹ đẻ chị T. Anh H đã sang nhà chị T đón cháu H về chăm sóc, nuôi dưỡng được hơn 01 năm nay. Bố mẹ chị T đã thông báo cho chị T về việc anh H đang nuôi dưỡng cháu H và hiện đang làm thủ tục thay đổi quyền nuôi con tại Tòa án. Thông qua bà M thì chị T cũng đồng ý thay đổi quyền nuôi con chung sang cho anh H.

Xét thấy chị T đang lao động ở Nhật Bản nên không có điều kiện chăm sóc con chung. Về phía anh H hiện đang ở Việt Nam, anh vừa làm ruộng vừa làm máy cắt khắc Lare các loại logo, tổng thu nhập hàng tháng từ 25.000.000đ đến 40.000.000đ. Mặt khác anh H hiện chưa lập gia đình mới, đang ở cùng mẹ đẻ, được mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc cháu H nên anh có đủ thời gian và điều kiện kinh tế để đảm bảo cuộc sống cho con chung. Sau khi anh H đón cháu H về chăm sóc thì cháu phát triển bình thường, cuộc sống ổn định. Như vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Giao cho anh Bùi Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Đức H, sinh ngày 05/10/2016 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0000731 ngày 18/12/2019. Anh H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy